



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

Tên tổ chức giám định : **PHÒNG GIÁM ĐỊNH - CHỨNG NHẬN, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM - KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP
VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN**

Name of Inspection **INSPECTION – CERTIFICATION, MARKET DEVELOPMENT**
Body: **DEPARTMENT
TESTING AND VERIFICATION CENTER FOR INDUSTRY
INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING
- VINACOMIN**

Mã số công nhận **VIAS 046**
Accreditation Code:

Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17020:2012**
Accreditation standard:

Địa chỉ trụ sở chính : **Số 565 Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Tp. Hà Nội**
Head office address: **No. 565 Nguyen Trai, Thanh Liet Ward, Hanoi City**

Địa điểm công nhận : **Số 3 ngõ 76, đường Trung Văn, phường Đại Mỗ, Tp. Hà Nội**
Accredited locations: **No. 3 Lane 76 Trung Van Street, Dai Mo ward, Hanoi city**

Điện thoại/ Tel: **(84.24) 38542142**

Email: **tvicicontrol@gmail.com** Website: **http://tvci.com.vn**

Loại tổ chức giám định : **Loại A**

Type of Inspection: **Type A**

Người đại diện : **Bà Nguyễn Thu Hiền**

Authorized Person: **Mrs Nguyen Thu Hien**

Hiệu lực công nhận / **Từ ngày /08/2025 đến ngày /08/2030**
Period of Validation:



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Máy móc và thiết bị - Máy móc, thiết bị - Dây chuyền công nghệ Machinery and equipments - Machinery, equipment - Technological production line	- Số lượng - Tình trạng ngoại quan - Xuất xứ - Chất lượng còn lại - Chung loại - Sự đồng bộ - Năm sản xuất - Quantity - Condition - Origin - Remained Quality - Type - Synchronization - Year of manufactured	QT-GĐ-02 QT-GĐ-04 QT-GĐ-05 QT-GĐ-06 QT-GĐ-07 QT-GĐ-09 QT-GĐ-12	Phòng giám định - chứng nhận, phát triển thị trường <i>Inspection – Certification Market Development Department</i>
Vật liệu kim loại: Thép, đồng, nhôm Metal materials: <i>Steel, Cooper, Aluminium</i>	- Số lượng - Khối lượng qua cân - Chung loại - Tình trạng ngoại quan - Chất lượng (chất lượng bề mặt, sai số kích thước, thành phần hóa học và cơ tính, lớp phủ bề mặt) - Quantity - Weight by scale - Type - Condition - Quality (surface condition, dimension, chemical composition, mechanical propertis, coating test)	QT-GĐ-02 QT-GĐ-03 QT-GĐ-04 QT-GĐ-05 QT-GĐ-10 QT-GĐ-14	



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Than đá <i>Coal</i>	- Khối lượng qua cân - Chất lượng (lấy mẫu, các tính chất hóa học và cơ lý) - <i>Weight by scale</i> - <i>Quality (sampling, physiscal and chemical characteristics)</i>	QT-GĐ-08	Phòng giám định - chứng nhận, phát triển thị trường <i>Inspection – Certification Market Development Department</i>

Ghi chú/ Note:

- QT-GĐ-aa: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- Trường hợp Phòng Giám định - Chứng nhận, Phát triển thị trường - Trung tâm Thử nghiệm - Kiểm định công nghiệp - Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin cung cấp dịch vụ giám định thì Viện phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for the Inspection-Certification, Market development Department - Testing and Verification center for Industry - Institute of Energy and Mining Mechanical Enginerring - VINACOMIN that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ quy trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình giám định số lượng / <i>Quantity inspection process</i>	QT-GĐ-02 (2025)
Quy trình giám định giám định khối lượng bằng cân / <i>The process of assessment and assessment of weight by scale</i>	QT-GĐ-03 (2025)
Quy trình giám định quy cách phẩm chất / <i>Quality specification assessment process</i>	QT-GĐ-04 (2025)
Quy trình giám định tình trạng hàng hóa / <i>The process of inspecting the condition of goods</i>	QT-GĐ-05 (2025)
Quy trình giám định xuất xứ / <i>Origin inspection process</i>	QT-GĐ-06 (2025)
Quy trình giám định máy thiết bị cũ đã qua sử dụng / <i>The process of inspecting used machines and equipment</i>	QT-GĐ-07 (2025)
Quy trình giám định than / <i>Coal inspection process</i>	QT-GĐ-08 (2025)
Quy trình giám định máy móc dây chuyền công nghệ / <i>The process of inspecting machinery and technology lines</i>	QT-GĐ-09 (2025)
Quy trình giám định vật liệu kim loại / <i>Metal material inspection process</i>	QT-GĐ-10 (2025)
Quy trình giám định đồng bộ / <i>Synchronized inspection process</i>	QT-GĐ-12 (2025)
Quy trình giám định thép nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Process of inspecting imported and domestically produced steel</i>	QT-GĐ-14 (2025)

[Handwritten signature]